

NGUỒN LỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TẠI HỆ THỐNG THÔNG TIN THƯ VIỆN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI KỸ THUẬT HIỆN NAY

ThS. ĐỖ TIẾN VƯỢNG*

Ngày nhận bài: 17/03/2016; ngày sửa chữa: 05/04/2016; ngày duyệt đăng: 06/04/2016.

Abstract: The libraries in universities are improving the activities in order to meet the needs of information and references in line with Resolution 29-NQ/TW on fundamental and comprehensive education reform. In this article, the author analyses situation of using references, particularly the electronic information at technical universities in Vietnam, then proposes solutions to develop information resources for studying, scientific research and technology exchange, meeting the requirements of society.

Keywords: E-resources, Information resources, Electronical information resources, Technical universities, University library, Library Information system.

Trải qua nhiều thập kỉ, Đảng và Nhà nước ta luôn xem giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục đại học (ĐH), thời gian qua, nhiều trường ĐH trong cả nước đã chuyển từ phương thức đào tạo theo niên chế sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Một trong những yêu cầu của đào tạo theo học chế tín chỉ là giảm đáng kể giờ lên lớp lí thuyết và tăng số giờ thảo luận, thí nghiệm, thực hành. Thời lượng tự học của sinh viên (SV) tăng gấp đôi so với đào tạo theo niên chế; điều này đồng nghĩa với SV phải dành nhiều thời gian cho việc tự tìm kiếm tri thức trên các cơ quan thông tin thư viện (CQTTTV) nói chung, của trường học mình nói riêng. Đây được coi là “giảng đường thứ hai” của trường ĐH, do đó cần nâng cao nguồn lực thông tin (NLTT) để đảm bảo thông tin cho quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) của các trường, góp phần tích cực vào việc phát triển nguồn nhân lực trình độ cao.

1. Khái niệm NLTT

NLTT đã xuất hiện và tồn tại với con người qua hàng nghìn năm lịch sử. Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của NLTT, từ xa xưa con người đã luôn sưu tầm tài liệu, bảo quản và truyền lại cho thế hệ sau. NLTT giúp thư viện (TV) hoàn thành “sứ mệnh” lưu trữ và cung cấp thông tin, tài liệu được xã hội giao cho. Có nhiều định nghĩa khác nhau về NLTT:

- NLTT là tổ hợp các thông tin nhận được và tích lũy được trong quá trình phát triển khoa học và hoạt động thực tiễn của con người, để sử dụng nhiều lần trong sản xuất và quản lí xã hội. NLTT phản ánh các

quá trình và hiện tượng tự nhiên được ghi nhận lại trong kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học và trong các dạng tài liệu khác của hoạt động nhận thức và thực tiễn.

- NLTT bao gồm các dữ liệu thể hiện dưới dạng văn bản, hình ảnh hoặc âm thanh được ghi lại trên phương tiện theo quy ước và không theo quy ước, các sưu tập, những kiến thức của con người, những kiến thức của tổ chức và ngành công nghiệp thông tin có thể truy cập và có giá trị cho người sử dụng [1; tr 240-241]. NLTT được coi là phần tích cực của tiềm lực thông tin; được tổ chức, kiểm soát sao cho người dùng tin (NDT) có thể truy nhập, tìm kiếm, khai thác, sử dụng được và phục vụ cho các lợi ích khác nhau của xã hội.

2. Thực trạng NLTT tại các trường đại học kĩ thuật (ĐHKT) ở Việt Nam

Trong trường ĐHKH, các nguồn tin khoa học công nghệ (KHCH) bao gồm các thông tin KHCHN được thể hiện dưới dạng sách, báo, tạp chí khoa học; kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học; thuyết minh nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện, ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCHN; tài liệu sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kĩ thuật; catalô công nghiệp; đồ án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; tài liệu thiết kế, kĩ thuật; cơ sở dữ liệu (CSDL); tài liệu thống kê KHCHN; tài liệu đa phương tiện và tài liệu trên các vật mang tin khác. Do vậy, nhu cầu tin (NCT) của NDT về tài liệu cũng khác nhau, đặc biệt tài liệu xám của CQTTTV cần được chia sẻ.

Việc bổ sung NLTT tại CQTTTV dựa vào các nguồn: kinh phí nhà nước cấp, kinh phí xã hội hóa, hợp tác trao

* Trường Đại học Giao thông Vận tải

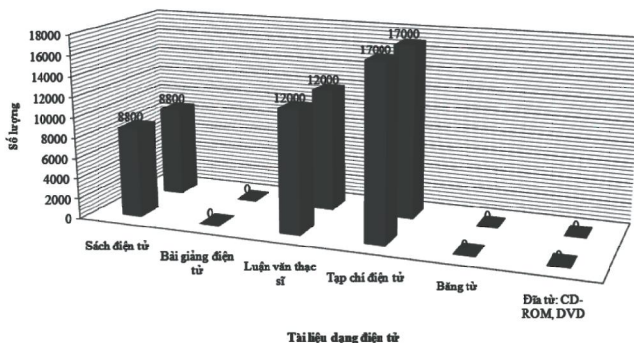
đổi, biểu tặng, tài liệu nội sinh và nguồn tin điện tử. NLTT thường bao gồm các loại: tài liệu truyền thống (tài liệu dạng in ấn), tài liệu dạng điện tử,...

Khảo sát 16 CQTTTV và chỉ đề cập tới NLTT dạng điện tử, bao gồm: tạp chí điện tử, sách điện tử, các CSDL, các bộ sưu tập số, đĩa từ,... chúng tôi thu được kết quả sau (bảng 1):

Bảng 1. Các loại hình tài liệu dạng điện tử tại 16 CQTTTV

CQTTTV được khảo sát	Sách điện tử (biểu ghi)	Bài giảng điện tử (biểu ghi)	Tạp chí điện tử (biểu ghi)	Băng từ (cái)	Đĩa từ: CD-ROM, DVD (cái)
TV Tạ Quang Bửu, ĐH Bách khoa Hà Nội	8.800	0	17.000	0	0
TV ĐH Giao thông Vận tải	51	0	7.000	0	4.100
TV ĐH Xây dựng	1.080	0	0	0	3.000
TV ĐH Kiến trúc	1.000	0	15	20	0
TV ĐH Mô địa chất	100	150	0	0	2.800
TV ĐH Thủy lợi	150	300	3	0	600
TV ĐH Công nghiệp	2.500	10.000	10	0	0
TV ĐH Điện lực	228.000	0	0	0	200
TV Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	155	27	0	0	460
TV ĐH Hàng hải Việt Nam	3.500	2.000	42	0	1.200
Trung tâm học liệu ĐH Đà Nẵng	25	0	1.892	91	1.512
TV ĐH Nha Trang	11.000	1.000	400	0	650
TV ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	13454	252	7	0	1.570
TV ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh	2.923	33	657	64	15.887
TV ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	600	0	0	0	6.500
TV ĐH Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	30.000	1.000	1	0	0

Trong số các CQTTTV, TV Tạ Quang Bửu là một trong những TV ĐH lớn nhất trong khối ĐHKH ở Việt Nam. Ngoài nguồn tài liệu dạng in ấn, TV Tạ Quang Bửu có số lượng nguồn tài liệu dạng điện tử phong phú, được nhiều NDT quan tâm, sử dụng, đó là sách điện tử, tạp chí điện tử,...(biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Nguồn tài liệu dạng điện tử TV Tạ Quang Bửu Bên cạnh đó, có TV tài liệu dạng điện tử, tài liệu số còn đang trong quá trình khai thác xây dựng như TV

ĐH Xây dựng, TV ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh, TV ĐH Giao thông Vận tải, TV ĐH Hàng hải,...

Trong khối TV ĐH, Trung tâm học liệu Đà Nẵng là 1 trong 3 trung tâm học liệu lớn trong cả nước, đây cũng là Trung tâm học liệu vùng ở khu vực Miền trung. NLTT của trung tâm này rất phong phú và đa dạng, trong đó tài liệu dạng điện tử đang trong quá trình xây dựng như: sách, bài giảng điện tử (151 biểu ghi); báo - tạp chí (1892 biểu ghi); luận án (26 biểu ghi); luận văn (3210 biểu ghi); báo cáo nghiên cứu khoa học các cấp (305 biểu ghi),... và các bộ sưu tập số Hội An (348 biểu ghi); bộ sưu tập số lễ hội truyền thống cư dân Nam Trung bộ và Tây Nguyên (1812 biểu ghi); văn hóa Chăm pa (1927 biểu ghi); CSDL KHCN của Cục Thông tin KHCN Quốc gia; CSDL Ardi; CSDL Ngân hàng thế giới; CSDL Agora journals.

TV ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh là một TV ĐH lớn nằm trong hệ thống TV trung tâm ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu NLTT của TV này cho thấy, NLTT có số lượng lớn, khá phong phú về nội dung và loại hình tài liệu như: sách điện tử (3203 nhan đề), tạp chí (451 nhan đề), tiêu chuẩn kỹ thuật (2399 nhan đề), báo cáo khoa học các cấp (1060 nhan đề), tuyển tập báo cáo khoa học (615 nhan đề), luận án tiến sĩ (308 nhan đề), luận văn thạc sĩ (6100 nhan đề), tạp chí điện tử (415 nhan đề), CD-ROM và DVD (15880 đĩa), băng từ (64 băng), CSDL phát minh sáng chế (14191 biểu ghi), CSDL sách điện tử (3203 biểu ghi), CSDL tạp chí điện tử (659 biểu ghi), CSDL luận văn (7647 biểu ghi),...

Ngoài các loại hình tài liệu dạng điện tử, các CQTTTV còn có nguồn tài liệu khác như: CSDL Online, Offline, đồ án tốt nghiệp,...

Trong các CQTTTV được khảo sát, NLTT còn thiếu so với nhu cầu, đa số sách điện tử bằng ngôn ngữ Tiếng Anh, còn tài liệu điện tử Tiếng Việt rất ít.

* Về lĩnh vực khoa học: NLTT của các trường ĐHKH có đầy đủ các môn loại tri thức theo các ngành đào tạo của từng trường, chủ yếu thuộc ngành kỹ thuật, lĩnh vực khoa học kỹ thuật (KHKT), công nghệ khác nhau như: Cơ khí, địa chất, điện - điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ hoá học và thực phẩm, kỹ thuật xây dựng, khoa kỹ thuật giao thông, kiến trúc, xây dựng, vật liệu, tự động hóa,... NLTT mới cập nhật thường xuyên, công nghệ mới ra đời. Các môn

học cơ bản như: Ngoại ngữ, Toán, Lí, Hóa, Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh đều được bổ sung đầy đủ.

Kết quả về thực trạng NLTT điện tử tại các trường ĐHKT khảo sát theo diện bao quát chủ đề mà CQTTTV quan tâm thể hiện ở *bảng 2*.

TT	Chủ đề	Rất cần thiết		Tham khảo		Không cần thiết	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Kinh tế, Khoa học kinh tế	12	75,0	2	12,5	2	12,5
2	Kĩ thuật cơ khí	6	37,5	9	56,3	1	6,3
3	Kĩ thuật nhiệt	8	50,0	8	50,0	0	0,0
4	Toán học	11	68,8	5	31,3	0	0,0
5	Điều khiển học	11	68,8	3	18,8	2	12,5
6	Vật lí học	13	81,3	3	18,8	0	0,0
7	Kĩ thuật môi trường	12	75,0	4	25,0	0	0,0
8	Hóa học	11	68,8	5	31,3	0	0,0
9	Trắc địa và bản đồ học	9	56,3	4	25,0	3	18,8
10	Địa chất học	10	62,5	3	18,8	3	18,8
11	Năng lượng	12	75,0	4	25,0	0	0,0
12	Kĩ thuật điện, kĩ thuật viễn thông	15	93,8	1	6,3	0	0,0
13	Kĩ thuật tự động và điều khiển từ xa	14	87,5	2	12,5	0	0,0
14	Kĩ thuật tính toán	14	87,5	2	12,5	0	0,0
15	Công nghệ thông tin	14	87,5	2	12,5	0	0,0
16	Kĩ thuật mỏ	4	25,0	7	43,8	5	31,3
17	Luyện kim	5	31,3	5	31,3	6	37,5
18	Chế tạo máy	12	75,0	1	6,3	3	18,8
19	Kĩ thuật hạt nhân	4	25,0	7	43,8	5	31,3
20	Chế tạo khí cụ	10	62,5	3	18,8	3	18,8
21	Công nghiệp nhẹ	8	50,0	5	31,3	3	18,8
22	Xây dựng công trình	13	81,3	1	6,3	2	12,5
23	Kiến trúc	10	62,5	4	25,0	2	12,5
24	Thủy lợi, Cải tạo đất	9	56,3	4	25,0	3	18,8
25	Giao thông vận tải	9	56,3	4	25,0	3	18,8
26	Kĩ thuật vật liệu	14	87,5	2	12,5	0	0,0

Bảng 2. Diện bao quát chủ đề mà CQTTTV quan tâm

Bảng 2 cho thấy, CQTTTV đánh giá *rất cần thiết* là chủ đề Kỹ thuật điện, kĩ thuật viễn thông chiếm tỉ lệ cao nhất (93,8%); CQTTTV đánh giá *tham khảo* là chủ đề Kỹ thuật cơ khí chiếm tỉ lệ cao nhất (56,3%) và CQTTTV đánh giá *không cần thiết* là Ngành luyện kim chiếm tỉ lệ cao nhất (37,5%).

* *Về ngôn ngữ*: Hiện nay ngôn ngữ của thông tin, tài liệu điện tử, CSDL điện tử được mua từ các nhà xuất bản, nhà cung cấp ở nước ngoài, thông tin của các nước tiên tiến. Trên cơ sở chuẩn về khoa học tự nhiên, chuẩn về KHKT, công nghệ, tư duy logic, giống nhau,... ngôn ngữ được sử dụng trong các tài liệu kĩ thuật chặt chẽ, các khái niệm KHKT rõ ràng, cô đọng, dễ tham khảo, chủ yếu được viết bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

* *Về mức độ đáp ứng NLTT điện tử*: Để nắm bắt được mức độ đáp ứng NLTT đối với NCT tại CQTTTV

các trường ĐHKT, chúng tôi khảo sát NDT bằng câu hỏi: "NLTT điện tử hiện nay có đáp ứng được nhu cầu của bạn không?". Kết quả khảo sát thu được trong *bảng 3* cho thấy: cán bộ quản lí đánh giá mức độ tốt là 46,5%, trung bình là 53,5% và yếu là 0,00%; giáo viên, nghiên cứu viên đánh giá tốt là 29,6%, trung bình 63% và yếu 7,4%; SV đánh giá tốt 48,9%, trung bình 49,1% và yếu là 1,9%. Kết quả này khẳng định, cả ba nhóm NDT đều đánh giá mức độ đáp ứng NLTT ở mức trung bình.

Bảng 3. Mức độ đáp ứng NLTT của người dùng tin

Mức độ đánh giá	Tổng số NDT	Cán bộ quản lí		Giáo viên, nghiên cứu viên		SV	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tốt	707	72	46,5	76	29,6	559	48,9
Trung bình	806	83	53,5	162	63,0	561	49,1
Yếu	41	0	0,0	19	7,4	22	1,9

Khảo sát thực trạng liên kết chia sẻ NLTT điện tử giữa các CQTTTV, chúng tôi thu được kết quả ở *bảng 4*.

Bảng 4. Thực trạng các CQTTTV liên kết chia sẻ NLTT điện tử

TT	Tên CQTTTV	Tên Liên chi hội TV ĐH và TV liên kết chia sẻ NLTT
1	TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội	TV: ĐH Xây dựng, ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Mỏ địa chất, ĐH Hàng Hải, Học viện công nghệ bưu chính viễn thông, Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện Nông nghiệp, ĐH Bách khoa Đà Nẵng, ĐH Bách khoa TP. HCM, ĐH Sư phạm TP. HCM,...
2	TV ĐH Giao thông Vận tải	Liên chi hội TV ĐH phía Bắc, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội
3	TV ĐH Xây dựng	Liên Chi hội TV ĐH phía Bắc, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội, TV ĐH Mỏ
4	TV ĐH Kiến trúc Hà Nội	Liên Chi hội TV ĐH phía Bắc, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội
5	TV ĐH Mỏ địa chất	Cục thông tin KHCN Quốc gia, TV Quốc gia Việt Nam, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội
6	TV ĐH Thủy lợi	Liên chi hội Thư viện ĐH phía Bắc
7	TV ĐH Công nghiệp	Liên chi hội TV ĐH phía Bắc, TV ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
8	TV ĐH Điện lực	Không có
9	TV Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Liên chi hội TV ĐH phía Bắc, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội
10	TV ĐH Hàng Hải Việt Nam	Liên chi hội TV ĐH phía Bắc, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội
11	Trung tâm học liệu ĐH Đà Nẵng	Liên chi hội TV ĐH phía Nam, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách Hà Nội
12	TV ĐH Nha Trang	Liên chi hội TV ĐH phía Nam
13	TV ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh	Trong hệ thống ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Liên chi hội TV ĐH phía Nam, TV Tạ Quang Bửu ĐH Bách khoa Hà Nội
14	TV Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Liên chi hội TV ĐH phía Nam, TV Quốc gia Việt Nam, TV Khoa học tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TV trung tâm ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TV ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, TV ĐH Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh, TV ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, TV ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, TV ĐH Luật, TV ĐH Sư phạm, TV ĐH Nông lâm, TV ĐH khoa học xã hội & nhân văn, Cục thông tin KHCN Quốc Gia, Trung tâm thông tin KHCN TP. Hồ Chí Minh
15	TV ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	Không có
16	TV ĐH Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	TV ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Bảng 4 cho thấy, trên 50% các cơ quan đã tham gia Liên chi hội TV ĐH phục vụ đào tạo bằng các hình thức hội thảo, tổ chức các khóa học nghiệp vụ,... Cụ thể: có 14/16 CQTTTV tham gia liên kết chia sẻ NLTT điện tử với các cơ quan khác (chiếm 87,5%), đặc biệt TV ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh triển khai mô hình này mạnh mẽ nhất, đã liên kết với 15 TV ĐH và CQTTTV trên toàn quốc. Bên cạnh đó, có 2 cơ quan không tham gia liên kết chia sẻ với cơ quan khác là ĐH Điện lực và ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh (chiếm 12,5%). Như vậy, việc liên kết chia sẻ NLTT điện tử giữa các CQTTTV hiện nay còn rất yếu, liên kết lỏng lẻo, một chiều.

3. Giải pháp phát triển NLTT:

- Cần có sự quan tâm của lãnh đạo các trường ĐH, thể hiện bằng việc đầu tư kinh phí mua NLTT điện tử.

- Các CQTTTV xây dựng NLTT bằng cách tạo lập các sản phẩm và dịch vụ thông tin chung như: CSDL, ấn phẩm thông tin, phổ biến thông tin chọn lọc, cung cấp bản sao tài liệu, tra cứu thông tin qua một cổng thông tin chung của hệ thống.

- Tạo lập không gian thông tin chung trong các trường ĐHKT, công nghệ: Nghiên cứu thường xuyên, có hệ thống nhu cầu của NDT và đề ra những biện pháp thích hợp để thỏa mãn nhu cầu thông tin đó. Đàm phán với các nhà cung cấp để đặt mua nguồn tài liệu, chủ yếu là nguồn tin điện tử về lĩnh vực KHKT, công nghệ phù hợp với bao quát các chủ đề của các trường.

- Phối hợp thu thập các nguồn tin KHKT, công nghệ trong nước và quốc tế, đặc biệt là nguồn tin điện tử trực tuyến. Đồng thời tăng cường, đảm bảo NLTT bằng việc liên kết chia sẻ NLTT giữa các CQTTTV thành viên trong hệ thống; xử lý thông tin các nguồn tin nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NDT khai thác và sử dụng thông tin các sản phẩm và dịch vụ thông tin.

- Đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho các CQTTTV.

- Đào tạo cán bộ thông tin và NDT: Phối hợp đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ CBTTTV trong toàn hệ thống (tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo nghề nghiệp trong nước và quốc tế) và kiến thức thông tin cho NDT trong các trường ĐHKT, công nghệ.

Nghiên cứu thực trạng NLTT điện tử tại các trường ĐHKT Việt Nam cho thấy, mặc dù bước đầu đã được các trường bổ sung, liên kết bổ sung cả về số lượng và chất lượng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin về lĩnh vực KHCN ngày

càng phong phú, đa dạng của đông đảo NDT. Do vậy, lãnh đạo các trường ĐHKT cần phải có các chế tài cụ thể để các CQTTTV phát triển NLTT nói chung và NLTT điện tử nói riêng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nguồn nhân lực cho ngành và xã hội. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Hùng (2006). *Thông tin - Từ lý luận đến thực tiễn*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [2] Ban chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [3] Rajeev Manhas, Asha, Gurmeet Kaur, Sapna Rani (2015). *Use of Internet and Electronic Information Resources by Teachers and Students of Physiotherapy Colleges of Punjab, India: A Case Study*. American Journal of Educational Research, Vol. 3, No. 7, pp 886-892.
- [4] Olatokunbo Christopher Okiki (2012). *Electronic Information Resources Awareness, Attitude and Use by Academic Staff Members of University of Lagos*. Nigeria University of Lagos.
- [5] Sawant, S. (2013). *Open access resources useful in LIS education*. Library Hi tech news, 30(7), pp. 3-17.
- [6] Anna Gakibayo, Prof. J.R.Ikoja-Odongo, Dr. Constant Okello-Obuka (2013). *Electronic information resources utilization by students in MBARARA university library*. Makerere university, Kampada Uganda.

Tích cực hóa vai trò bạn đọc...

(Tiếp theo trang 50)

của HS DTIN Tây Nguyên để phát huy hay bồi đắp, trang bị. Trên nguyên tắc đặc biệt chú ý phát huy, huy động những gì HS có; đi từ cụ thể đến trừu tượng, GV cần có biện pháp, kĩ thuật phù hợp để huy động kiến thức nền, góp phần để tạo niềm tin, đòn bẩy để giúp bạn đọc HS DTIN Tây Nguyên TN TPVC một cách chủ động, sáng tạo và hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Thu Hương (2012). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trương Đăng Dung (1998). *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*. NXB Khoa học xã hội.
- [3] Vi Hồng (1994). *Văn học vùng cao miền núi trong văn học nhà trường*. Tạp chí Nghiên cứu giáo dục tháng 7/1994.
- [4] Nguyễn Thanh Hùng (2002). *Đọc và tiếp nhận văn chương*. NXB Giáo dục.
- [5] Đỗ Lai Thúy (2006). *Người đọc - hành trình từ cổ điển đến hiện đại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.